

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 345, NĂM THỨ 28

THÁNG 4-2023



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<i>Việc tu học hàng ngày của người Phật tử tại gia</i>	BBT	3
<i>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</i>	Hoang Phong dịch	4
<i>Đôi điều suy nghĩ về sự phát triển PG hiện..</i>	Trần Thị Hằng	7
<i>Chuyện Kỳ La-A strange story</i>	O Henry Bùi Ph. Thành dịch	8
<i>Khi nhà sư kiêm cán bộ công sản</i>	Aris An	9
<i>Pháp Cú: 395 Phẩm Bà La Môn</i>	HT. Th. Minh Châu dịch	13
<i>Thơ: Quấn Lòng</i>	Minh Đức Triều Tâm Ảnh	13
<i>Thơ: Mời nhau một lần</i>	Phổ Đồng	13
<i>Tiếng nói trong yên lặng và sự Nghịch lý</i>	Hoàng Phong	14
<i>Thơ: Tuê Sỹ im lặng sấm sét</i>	Tâm Nhiên	31

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Việc tu học hàng ngày của người Phật tử tại gia

Là người Phật tử tại gia, chúng ta có những bổn phận và trách nhiệm đối với quốc gia, xã hội và gia đình.

Đối với người Miền Tây nước Việt theo Bửu Sơn Kỳ Hương, hay Tứ Ân Hiếu Nghĩa hoặc Phật giáo Hòa Hải thì người ta đặt Tứ trọng ân lên trên, trước là ân Thầy tổ, ân Cha mẹ sanh thành dưỡng dục, ân Quốc gia dân tộc, ân chúng sanh

Do đó mà chúng ta phải có bổn phận đối với Quốc Gia, Dân tộc, đối với xã hội và gia đình.

Chúng ta phải có bổn phận gìn giữ cho quốc gia được toàn vẹn lãnh thổ. Đóng góp trí tuệ, tài năng để làm cho đất nước luôn giàu có, tốt đẹp.

Đối với gia đình người đàn ông phải gánh vác mọi việc nặng nhọc giữ cho gia đình luôn sung túc, được hạnh phúc. Dạy dỗ cho con cái nên người, có học hành và có nghề nghiệp, để lập nghiệp và lập gia đình sau này, nhưng cũng phải có nếp sống đạo đức, biết đi chùa, lễ Phật, kính trọng Tăng, Ni, biết tụng kinh và nghe pháp.

Người đàn bà ngoài việc bếp núc, phụ giúp chồng trong việc dạy con, nhất là công việc bếp núc, may vá.

Người Phật tử không phân biệt Nam, Nữ, ngoài việc đi làm để lo cho đời sống gia đình, lo cho công việc nhà. Chúng ta còn phải lo tu tập như là công phu hằng ngày, luyện tập thân thể cho được khỏe mạnh.

Chúng ta biết rằng có người tu Thiền, có người Tụng kinh, có người chuyên Niệm Phật hay Trì Chú. Tùy theo người Phật tử thích tu theo pháp môn nào trong Thiền, Tịnh, Mật, Giáo.

Pháp môn nào cũng là phương pháp tu tập để chúng ta làm theo lời Phật dạy, rốt ráo để được giải thoát khỏi luân hồi.

Là Phật tử, chúng ta được học về Nhân, về Duyên, về Luân Hồi, về Sanh tử, về Nghiệp, về Quả nhưng trên hết là Không, là tánh Không đó chính là Phật tánh mà người Phật tử tại gia hay người xuất gia đều mong muốn đạt được đến đó.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita
Hoang Phong chuyển ngữ

Chương V

Nam Tính và nữ tính trong cuộc sống tâm linh

Bài 30

Nam tính và nữ tính trong cuộc sống tâm linh

Thời buổi ngày nay, đề cập đến vấn đề nam tính nữ tính, dù là thuộc lãnh vực nào, thì cũng chẳng khác gì bước vào một lãnh địa vô cùng nguy hiểm, dù với tất cả sự thận trọng bằng cách đặt các chữ này (*nam* và *nữ*) vào giữa hai ngoặc kép cũng vậy, cũng không sao tránh khỏi cách hiểu quá đồi từ chương của hai chữ này. Thế nhưng thật ra chúng ta cũng có thể áp dụng ý nghĩa của các chữ ấy (*nam tính* và *nữ tính*) vào các *paramita* (*ba-la-mật* / *sự hoàn hảo*) là các phương cách luyện tập của người Phật giáo: đó là *kshanti* và *virya*. (*kshanti* là tiếng Phạn có nghĩa là *sự kiên nhẫn* (*patience*), *khoan dung* (*toleration*) và *tha thứ* (*forgiveness*); và chữ *virya* thì có nghĩa là *sức cố gắng* hay *nghị lực*).

Theo Phật giáo Theravada thì có 10 *paramita* (*dasa paramiyo*):

- 1- *Dana parami*: *sự hào hiệp* (*generosity*)
- 2- *Sila parami*: *đạo đức* (*virtue*)
- 3- *Nekkhamma parami*: *sự từ bỏ* (*renunciation, self-abnegation*)
- 4- *Panna*: *trí tuệ* (*wisdom / sự hiểu biết minh bạch*)

- 5- *Virya parami*: *nghị lực* (*energy, diligence / sức cố gắng, sự cường lực*)
- 6- *Khanti parami*: *kiên nhẫn, khoan dung, tha thứ* (*tolerance, acceptance, forgiveness*)
- 7- *Sacca paramita*: *sự ngay thật* (*honesty*)
- 8- *Adhithana parami*: *quyết tâm, cương quyết* (*determination*)
- 9- *Metta parami*: *lòng từ tâm, lòng nhân ái* (*goodwill*)
- 10- *Upekkha parami*: *sự thanh thản, bình lặng* (*equanimity, serenity / xả*)

Theo Đại thừa thì có 6 *paramita*:

- 1- *Dana paramita*: *sự hào hiệp*
- 2- *Sila paramita*: *đạo đức*
- 3- *Kshanti paramita*: *kiên nhẫn, khoan dung, tha thứ*
- 4- *Virya paramita*: *nghị lực, sức cố gắng, sự cường lực.*
- 5- *Dhyana paramita*: *tập trung tâm thần, sự suy tư* (*concentration, contemplation*)
- 6- *Prajna paramita*: *trí tuệ* (*wisdom*)

Kshanti là gì

Không nên nhầm lẫn giữa chữ *kshanti* (*kiên nhẫn, sức chịu đựng*) với chữ *shanti* có nghĩa là *sự an bình* (*peace / yên lặng, yên tĩnh*). *Kshanti* là một từ đẹp nhất trong trong ngữ vựng Phật giáo. Ý nghĩa của thuật ngữ *kshanti* rất đa dạng, không có một từ nào trong các ngôn ngữ Tây phương mang ý nghĩa tương đồng với thuật ngữ này trong tiếng Phạn (*kinh sách Hán ngữ gọi phẩm tính này "Nhân"*). Nghĩa từ chương của chữ này là *sự kiên nhẫn* hay

sức chịu đựng (*endurance / sức bền bỉ*), đó là liều thuốc hóa giải sự giận dữ, tương tự như *dana* (sự hào hiệp) là liều thuốc hóa giải sự tham lam. Ngoài các ý nghĩa không giận dữ và không hận thù (*kiên nhẫn, khoan dung và tha thứ*) chữ *kshanti* còn ẩn chứa cả tình thương yêu, lòng từ bi, sự rộng lượng, dung thứ, chấp nhận và thụ cảm (*receptivity / khả năng tiếp nhận hay cảm nhận dưới hình thức xúc cảm*). Hơn nữa *kshanti* còn nói lên cả một sự dịu dàng và hiền hòa, phản ánh một sự nhún nhường chân thật.

Dưới đây là ba ý nghĩa chủ yếu của phẩm tính *kshanti*:

- 1- *sự kiên nhẫn (sức chịu đựng)*
- 2- *sự khoan dung*
- 3- *khả năng thụ cảm (sự bèn nhạy trong lãnh vực tâm linh)*

Ba khía cạnh đó của phẩm tính *kshanti* sẽ được hình dung qua ba câu chuyện khác nhau, nhằm mục đích gợi lên với chúng ta là phẩm tính *kshanti* là một cái gì đó không mang tính cách lý thuyết, hay một hình thức tự biện (*speculation*), mà đúng hơn là một hình thức thực hành liên quan đến cuộc sống thường nhật.

Kshanti dưới hình thức một sự chịu đựng

Kshanti nói lên sự chịu đựng được hình dung qua một câu chuyện trong cuộc sống của Đức Phật. Câu chuyện này được nêu lên trong "Bài kinh gồm 42 tiết mục" (kinh sách tiếng Hán gọi là *Tứ thập nhị chương kinh*, là bản kinh đầu tiên được xem là của Phật giáo Ấn độ - nhưng không có trong *Tam Tạng Kinh* - do hai nhà sư xứ *Kushan / Quý Sương* trong vùng Tây vực, đưa vào Trung quốc năm 67 sau Tây lịch, dưới triều đại Hậu Hán, mở màn cho việc

truyền bá Phật giáo trong đế quốc này). Một hôm, Đức Phật đang đi và gặp một người - có thể là một vị bà-la-môn, dầu sao thì chúng ta cũng không thể biết được là ai - vì một lý do nào đó, không thích Đức Phật (*Giáo huấn Phật giáo nêu lên nhiều quan điểm đi ngược lại với giáo lý Bà-la-môn*), người này bắt đầu gọi Đức Phật bằng đủ mọi thứ tên. Theo kinh điển Pali thì các chuyện đại loại như vậy thường xảy ra [vào thời bấy giờ]. Đức Phật khi còn tại thế không hẳn là một nhân vật nổi tiếng, nhiều người đương thời không thích Đức Phật bởi vì Ngài dường như thường khuyên người thế tục nên từ bỏ cuộc sống gia đình để tìm sự giải thoát nơi cõi *nirvana* (niết-bàn) hơn là chạy theo đồng tiền. Người mà Đức Phật vừa gặp trên đường phỉ báng Ngài với những lời lăng nhục thật tồi tệ. Thế nhưng Đức Phật vẫn cứ đứng yên cho đến khi người này dứt lời. Sau cùng người này cũng ngưng, có lẽ là vì hụt hơi. Lúc đó Đức Phật mới từ tốn hỏi lại người này:

- "Vậy bạn đã nói hết chưa?"

Người này bất thần cảm thấy lúng túng bèn trả lời:

- "Bấy nhiêu đó cũng đủ"
Đức Phật bèn đáp lại:

- "Tốt lắm, vậy ta hỏi lại một câu nhé. Chẳng hạn một hôm có một người bạn thân mang biếu bạn một món quà, thế nhưng bạn lại không muốn nhận. Và nếu bạn không nhận, thì món quà ấy sẽ thuộc về ai?"

Người này đáp lại như sau:

- "Nếu tôi không nhận thì tất nhiên món quà ấy sẽ phải thuộc vào người có ý mang tặng tôi"

Đức Phật lại đáp:

- "*Quả đúng là như vậy, bạn vừa tặng cho ta một món quà gồm những lời phỉ báng, thế nhưng ta không nhận, vậy bạn cứ giữ cho bạn nhé!*"

Trên đây là thái độ hành xử của Đức Phật. Thật hiển nhiên, không mấy ai trong chúng ta có thể hành xử như vậy, có nghĩa là đủ sức trả lời một cách hòa nhã. Nếu bị một người nào đó phỉ báng thì tức khắc chúng ta sẽ trả đũa ngay bằng những lời cay độc tương xứng. Hơn nữa chúng ta lại còn ghi khắc trong tâm những lời phỉ báng độc ác đó để sau này tìm cách trả thù. Vị đại sư Shantideva (*shanti* có nghĩa là yên lặng hay an bình, *deva* có nghĩa là thiên nhân hay thánh nhân / deity, kinh sách Hán ngữ "dịch" tên của vị này là Tịch Thiên) mách bảo chúng ta nhiều phương cách luyện tập về sức chịu đựng nêu lên trong phẩm tính kshanti. Chẳng hạn Shantideva cho biết nếu có một người nào đó dùng gậy đánh mình, [thì cứ hãy nghĩ rằng] đây chỉ là những cảm nhận đau đớn [trên thân thể] chẳng có gì đáng phải nổi điên. Thay vì điên tiết lên thì hãy cứ cố gắng tìm hiểu xem những gì đang xảy ra, chẳng hạn như qua sự nhận xét cẩn thận thì mình nhận thấy có hai thứ cùng xảy ra trùng hợp với nhau: một thứ là cây gậy và một thứ là thân thể của mình. Cảm giác đau đớn là hậu quả phát sinh từ sự gặp gỡ trùng hợp của hai yếu tố đó: cây gậy và thân thể. Đến đây, Shantideva nêu lên một thắc mắc như sau: ai là người lãnh trách nhiệm về sự trùng hợp đó? Quả đúng là người đưa cao cây gậy lên để đánh mình, và người này tất nhiên phải lãnh một phần trách nhiệm, thế nhưng chính mình tạo ra thân thể mình [để người ấy đánh], thân thể ấy từ đâu sinh ra (từ nguyên nhân sâu xa nào làm phát sinh ra thân thể của mình)? Thân thể đó phát sinh

từ *samskara* (xin xem thêm giải thích bên dưới về chữ *samskara*) trước đây của mình: đó là tình trạng vô minh của mình và những gì mà mình làm dưới sự chi phối của nó trong các kiếp sống quá khứ của mình. Quả đúng là có một người cầm một cây gậy, thế nhưng chính mình đem cái thân thể này của mình đến [để người ấy đánh], vì thế cả hai đều cùng chịu trách nhiệm như nhau. Do vậy tại sao mình lại chỉ nổi nóng đối với người cầm gậy, mà không nổi nóng với chính mình (tức là nổi nóng với tình trạng vô minh và làm lẫn của mình trong quá khứ) là người mang thân thể mình đến [cho người ấy đánh]? Trong tập luận *Bodhicaryavatara* ("*Con đường đưa đến Giác Ngộ*", *Bodhi* có nghĩa là Giác ngộ, *carya* là phép luyện tập, *avatara* là cửa ngõ, kinh sách Hán ngữ gọi tập sách này là "*Bồ-đề hành luận*") Shantideva nêu lên thật nhiều cách suy nghĩ đại loại như vậy giúp chúng ta luyện tập về sức chịu đựng (*sức kiên trì, một trong ba thể dạng của phẩm tính kshanti / sự nhẫn nhục*).

(*Samskara* là "*sự tạo tác tâm thân*", kinh sách Hán ngữ gọi là "*hành*", có nghĩa là các "*sự tạo dựng của tâm thức mang tính cách chủ tâm*" / *mental formations / volition*. Xin nhắc lại chữ *samskara* nằm trong khái niệm về năm thứ cấu hợp / *skandha* tạo ra một cá thể con người, kinh sách Hán ngữ gọi là ngũ uẩn: 1-*rupa* (hình tướng / *form*), 2- *vedana* (sự cảm nhận / *sensation, feeling*), 3- *Samjna* (sự nhận biết hay nhận thức / *perception*), 4-*samskara* (sự tạo tác tâm thân hay tác ý / *mental formation, volition* - theo nhà sư *Sangarakshita* thì đó là nguyên nhân tạo nghiệp, đưa đến sự hình thành của thân thể); 5-*Vijnana* (tri thức / *consciousness*, là cơ sở tạo ra sự phân biệt giữa chủ thể/đối tượng. Những gì vừa nêu lên khá lý thuyết

và khúc triết, đối với những người không thích suy nghĩ nhiều thì chỉ cần hiểu rằng nếu không có nghiệp của mình đưa đến sự hình thành của thân thể mình thì người cảm gây bùng lên sự tức giận để đánh vào không khí. Luôn nên nghĩ đến nguyên lý tương liên tương tác và tương tạo giữa mọi hiện

tượng / *pratityasamutpada* / lý duyên khởi, bởi vì đó là chiếc chìa khóa mở ra lâu đài Phật giáo).

Bures-Sur-Yvette 27.02.21
Hoang Phong chuyển ngữ

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trần Thị Hằng

Phật giáo là một tôn giáo thế giới, Phật giáo ra đời ở Ấn Độ vào khoảng giữa thiên niên kỷ 1 TCN. Theo truyền thuyết người sáng lập ra đạo Phật là Thái tử Tất Đạt Đa. Không bao lâu sau khi ra đời, nó đã lan tỏa rộng khắp các nước khu vực châu Á, và ngày nay đang thâm nhập sang các châu lục khác. Phật giáo được truyền bá vào Việt Nam rất sớm, ngay từ đầu Công nguyên với truyện cổ tích Chử Đồng Tử, Phật giáo bám rễ và ăn sâu vào Việt Nam đến nay đã hai chục thế kỷ. Trong quá trình đó, Phật giáo đã xây dựng cho mình truyền thống yêu nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền văn hóa của dân tộc, vào sự hình thành tư tưởng, đạo đức, lối sống của nhân dân ta. Ngày nay tín đồ, tăng ni Phật giáo cả nước được tập hợp trong một tổ chức thống nhất Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hoạt động theo đường hướng “Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội” tiến bộ, đang có những đóng góp to lớn trong quá trình đổi mới đất nước. Thực tế đã cho thấy Phật giáo ở Việt Nam đang phát triển và ngày càng giữ vai trò quan trọng trong đời sống xã hội Việt Nam. Có thể nói,

tồn tại hai nghìn năm qua cùng dân tộc Phật giáo đã trở thành một bộ phận không thể thiếu của văn hóa Việt Nam, của đời sống con dân đất Việt. “Hiện nay, Phật giáo cả nước có khoảng trên 10 triệu tín đồ quy y Tam Bảo (trong khoảng 40 % triệu người theo Phật giáo và 70 % dân số Việt Nam chịu ảnh hưởng của Phật giáo về văn hóa, lối sống)”^[1].

Theo số liệu thống kê trong Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII (nhiệm kỳ 2012 – 2017) thì số lượng Tăng Ni, Tự Viện tương đối cụ thể như sau:
- Tăng Ni: 46.699 vị, gồm: 34.062 Bắc tông; 8.574 Nam tông Khmer, 805 Nam tông kinh; 3.258 Khất sĩ
- Tự Viện: 17.287 ngôi, gồm 14.745 Tự viện Bắc tông; 454 chùa Nam tông Khmer; 73 chùa Nam tông kinh; 550 Tịnh xá, 467 Tịnh thất.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã kiện toàn hệ thống tổ chức, gồm 03 cấp hành chính Giáo hội, với 58 đơn vị Tỉnh, Thành hội Phật giáo, 10 Ban Viện Trung ương
(Xem tiếp trang 26)

Chuyện Kỳ Lạ

Nguyên tác: *A Strange Story* by O. Henry *Bùi Phạm Thành dịch*

Ở phía cực bắc của thành phố Austin, thuộc tiểu bang Texas, có một gia đình nông dân chất phác tên là Smothers. Theo cách tính về dân số thì hai vợ chồng ông Smothers, với ông John Smothers là trưởng gia đình là ba người. Về phần đứa con gái năm tuổi đang sống với cha mẹ là hai ông bà Smothers, thì cộng chung cũng là ba người, như thế tổng số người trong gia đình Smothers là sáu. Tuy nhiên, trên thực tế, đếm đầu người thì chỉ có ba.

Một đêm nọ, sau bữa cơm, đứa con gái nhỏ bỗng dựng lên cơn ho dữ dội, nên ông John vội vã chạy ra phố để mua thuốc.

Thế nhưng ông ta đã không trở lại.

Đứa con gái, sau cùng, thì cũng qua khỏi cơn ho. Ngày tháng trôi qua cũng đã trưởng thành.

Về phần vợ ông John, khi đó, bà ta cũng đã rất đau khổ về sự biệt tích của chồng, thế cho nên mãi đến ba tháng sau thì bà ta mới tái giá, rồi dời về thành phố San Antonio.

Đứa con gái lớn lên cũng lập gia đình, sanh được một đứa con gái đặt tên là Pansy, và nay thì cũng đã được năm tuổi.

Gia đình cô ta vẫn sống trong ngôi nhà cũ, ngôi nhà mà người cha ra phố mua thuốc cho con, nhưng không bao giờ trở lại.

Đêm kia, một sự trùng hợp bất ngờ đã xảy ra là đứa con gái của cô cũng lên cơn ho dữ dội, đúng vào ngày mất tích của ông John Smothers. Nếu không mất tích thì ông John đã là ông ngoại rồi.

Anh John Smith, chồng của cô, nói *"Tôi sẽ ra*

phố để mua thuốc cho con."

"Không, không được đi đâu cả," cô gái, vợ anh ta, hoảng hốt ngăn cản, *"Anh cũng có thể sẽ không trở về, sẽ mất tích vĩnh viễn."*

Nghे vợ nói vậy, anh John không đi đâu cả, và cùng vợ ngồi bên đứa con gái đang ho.

Lúc sau, cơn ho của bé Pansy xem chừng nặng hơn với từng cơn ho rũ rượi. Anh John lại nghĩ ý muốn ra phố mua thuốc, thế nhưng vợ anh ta thì cứ nhất định, một mực ngăn cản.

Bỗng nhiên cánh cửa trước nhà vụt mở toang, và giữa cửa là một ông già, lưng đã hơi còng, mái tóc dài và bạc phơ, thản nhiên

bước vào nhà.

Bé Pansy bỗng kêu to *"Ông ngoại!"*. Hiển nhiên là bé Pansy đã nhận ra người vừa bước vào nhà là ai, trước cả mẹ nó.

Ông già móc trong túi áo ra một chai thuốc ho, và cho bé Pansy uống một thìa đầy.

Bé Pansy trông khoẻ hẳn lại, và hết ho ngay lập tức.

Ông John Smothers xoa đầu bé Pansy và nói *"Cháu ngoan, ông về hơi trễ một chút vì phải chờ mãi mới có đúng chuyến xe bus để về nhà."*

Bùi Phạm Thành
(Đặc San Lâm Viên)

Khi nhà sư kiêm cán bộ cộng sản

Iris An

Những năm gần đây, khi một số nhà sư viên tịch, người dân khi đọc cáo phó mới ngỡ ngàng ra rằng nhiều sư sãi hóa ra là Đảng viên và kèm theo đó là khá nhiều huân, huy chương, giấy khen các loại, chẳng thua gì cán bộ cộng sản cỡ gộc. Hóa ra có khá nhiều đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đang hoạt động dưới vỏ bọc sư sãi...

Từ những thông tin công khai trên báo chí



Năm 2018, dư luận sôi sục khi cáo phó của Đại lão Hòa thượng **Thích Thanh Sam** (Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam) được công

bố. Cáo phó ghi rõ Hòa thượng đã được tặng thưởng các danh hiệu:

Huân chương Độc lập hạng Nhất, Ba; Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Huy chương Đại đoàn kết toàn dân tộc; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Như vậy Hòa thượng là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam và báo *Nhân Dân* đã có một bài viết trang trọng về tiểu sử của Hòa thượng Thích Thanh Sam. Đây là một việc hết sức bất thường bởi lẽ một Hòa thượng viên tịch thì thường chuyện đưa tin là của các báo, trang web Phật giáo, chứ không phải “báo Đảng”. Nhưng sẽ không là bất thường nếu như chúng ta đọc kỹ tiểu sử, bởi lẽ những hoạt động trong cuộc đời tu hành của Hòa thượng Thích Thanh Sam không khác gì một cán bộ cộng sản.

Chuyện vào Đảng của các sư sãi Phật giáo thật ra không lạ. Thậm chí không chỉ ở Phật giáo Bắc tông mà ở Phật giáo Nam tông Theravada cũng có hiện tượng này. Năm 2009, báo Công An Nhân Dân từng đăng tin kết nạp một vị hòa thượng người Khmer 64 tuổi vào Đảng. Chính quyền Việt Nam giải thích rằng, dựa trên điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam thì việc người có đạo vẫn vào Đảng được. Tuy nhiên, sự giải thích này là khiến căng bởi vì chùa chiền không bao giờ là “một tổ chức cơ sở đảng” để sư sãi hoạt động. Nếu vận dụng đúng theo Điều lệ Đảng, cứ mỗi chùa có sư sãi được kết nạp Đảng thì hóa ra chùa đó chính là... Chi bộ Đảng! ***Vậy thì Giáo hội Phật giáo Việt Nam quản lý chùa hay các cấp ủy Đảng quản lý chùa?***

Một minh chứng khác cho việc các sư tăng trả hình thực chất là cán bộ công sản: Trên website chính thức của Quốc hội Việt Nam có giới thiệu tiểu sử Hòa thượng **Thích Bảo Nghiêm**, một đại biểu Quốc hội với các chức vụ:

Phó Chủ tịch Hội đồng trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng ban trị sự Thành hội Phật giáo thành phố Hà Nội, Ủy viên Hội đồng tư vấn tôn giáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hà Nội, Ủy viên Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội;

Và còn ghi rõ ngày vào Đảng của Thích Bảo Nghiêm là 8 Tháng Chín 2014. Ngoài ra, rất thường xuyên báo chí Việt Nam đăng tải những “tâm gương” sư sãi, chẳng hạn Hòa thượng Thích Minh Thiện ở Long An được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì có thành tích tiêu biểu trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, giai đoạn 2016-2021”.

Đến trường hợp Thích Chân Quang (người tự nhận là cháu ruột của HCM)



Thượng tọa Thích Chân Quang hiện là trụ trì chùa Thiên Tôn Phật Quang. Chùa được xây dựng hoành tráng, quy mô tại một thung lũng thuộc núi Dinh, thôn Chu Hải, xã Tân Hải, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thích Chân Quang đang là Phó Trưởng ban Kinh tế Tài chính Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Bảng “thành tích” của Thượng tọa Thích Chân Quang khá “khủng”: Tiến sĩ luật học; từng thực hiện hơn 2,000 bài giảng về nhiều đề tài từ văn hóa, giáo dục, đạo đức, khoa học công nghệ, đến y học; là “giảng sư Phật giáo đầu tiên” thuyết pháp tại Nhà hát lớn Hà Nội và Văn miếu Quốc Tử Giám. Thích Chân Quang là tác giả của hơn 130 đầu sách: *Kinh bộ, Nghiệp và kết quả, Luận về nhân quả, Giáo trình thiền học, Tâm lý đạo đức, Giáo trình Hoàng Pháp...*

Ngoài ra, Thích Chân Quang còn biết... chơi nhiều nhạc cụ như guitar, piano; và đã sáng tác gần 150 bài hát về Phật giáo. “Đại sư” Thích Chân Quang cũng gây dựng quỹ từ thiện Thiên Tôn Phật Quang từ năm 2013 đến nay, kêu gọi đóng góp được 307 tỷ đồng. Thích Chân Quang còn thành lập môn phái Phật Quang Quyền – trực thuộc Liên đoàn Võ thuật cô truyền Việt Nam. Ngày 14 Tháng Tám 2019, Thích Chân Quang được trao bằng vàng vinh danh “Nhân tài đất Việt thời kỳ hội nhập quốc tế”.

Trong buổi bảo vệ luận án tiến sĩ Luật học với đề tài “Nghĩa vụ con người trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”, Thích Chân Quang đã được GS.TS. Hoàng Chí Bảo, người luôn tuyên truyền rao giảng tư tưởng HCM một cách lộ bịch, đích thân đến khen ngợi. Chùa Thiên Tôn Phật Quang cũng liên tiếp mở các khóa tu thiền tại nhiều chùa trong Nam ngoài Bắc, *đặc biệt chùa*

được sự ủng hộ nhiệt tình của giới showbiz Việt Nam.

Những người được Thượng tọa Thích Chân Quang nhận làm đệ tử gồm ca sĩ **Tạ Minh Tâm** chuyên hát nhạc đỏ, nghệ sĩ cải lương **Kim Tử Long** (người mới đây than thở khóc lóc về việc bị đánh rớt khỏi bảng xét duyệt “nghệ sĩ nhân dân”); diễn viên **Angela Phương Trinh**... Gần đây Angela Phương Trinh đã dẫn lại một đoạn nói về du lịch trong bộ sách “Tâm lý đạo đức” của Thích Chân Quang, với nội dung kỳ quái: “Nhiều người nhờ có việc làm nơi này nơi kia nên vì công việc mà cũng đi biết thêm nhiều vùng khác. Còn nếu không phải vì công việc cần thiết mà *chỉ đi cho vui thì ta bị hao tổn phúc đức dân, rất nguy hiểm.*” (trích nguyên văn).

Các hoạt động của chùa Thiên Tôn Phật Quang rất sôi nổi. Đại lễ Vu Lan 2022 vừa qua có đến 48,000 người tham dự – về phía chính quyền có Đại tá Nguyễn Tâm Hùng – Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; ông Võ Văn Tư – Trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy Thị xã Phú Mỹ... Thế nhưng bên cạnh những “thành tích” đó, Thích Chân Quang còn tai tiếng không kém với nhiều vụ việc gây xôn xao.

Thích Chân Quang từng nổi tiếng với phát ngôn... bênh Trung Quốc. Ông gọi “Trung Quốc là anh, Việt Nam là em”... Ông cho rằng *làm em phải lễ phép với anh.* Và Lý Thường Kiệt đã... “hôn” khi dám đem quân đánh Trung Quốc. Bài giảng này xuất hiện ngay thời điểm Trung Quốc đang có những động thái xâm chiếm Biển Đông! Thích Chân Quang cũng gây tranh cãi với việc thả gần 10 ngàn tấn cá phóng sinh xuống... sông Hồng.

Luận án tiến sĩ Luật học “Nghĩa vụ con người trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam” của Thích Chân Quang dù được hội đồng đánh giá là: “Bản nghiên cứu này rất nhân văn, thể hiện vấn đề đạo đức, luân lý nhưng trên quan điểm pháp luật. Luận án toàn diện, bài bản, chuyên sâu về nghĩa vụ con người trong luật pháp quốc tế và luật pháp Việt Nam. Luận án này sẽ đóng góp vào kho tàng lý luận về nghĩa vụ con người đối với xã hội”... Tuy nhiên, nó bị nhiều nhà luật học phản bác gay gắt.

Tiến sĩ Nguyễn Đức Thành cho rằng Thích Chân Quang “nhầm lẫn hoặc cố tình đánh tráo khái niệm quyền với quyền lợi”, và rằng nghiên cứu này “phản khoa học”. Luận án cho rằng người dân *phải thực hiện nghĩa vụ trước sau đó mới được hưởng quyền.* Chuyên gia về Công pháp Quốc tế Nguyễn Quốc Tấn Trung nhận xét rằng chính quyền Việt Nam từ trước đến nay vẫn tuyên truyền rằng quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ, trong đó có *nghĩa vụ tuân thủ pháp luật.* Đây chính là lý lẽ biện minh cho những vụ đàn áp người bất đồng chính kiến, khi chính quyền chỉ cần tuyên bố những người chỉ trích là những kẻ vi phạm pháp luật, làm nguy hại đến an ninh nhà nước. Cần thấy rằng, quan điểm *phải thực hiện nghĩa vụ trước thì mới được hưởng nhân quyền* của Thích Chân Quang còn “cực đoan” hơn cả những gì mà chính quyền Việt Nam tuyên truyền.

Với cương vị Phó Trưởng ban Kinh tế Tài chính Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thích Chân Quang rất có tài kinh doanh. Ông thành lập công ty Trách nhiệm hữu hạn Văn hóa Pháp Quang, ngang nhiên đưa công ty vào như là một... thành phần của chùa Thiên Tôn Phật Quang ngay trên website chính thức của chùa. Công ty

kinh doanh đủ thứ, từ sách báo, băng đĩa ca nhạc của chính Thích Chân Quang, đến trang phục Phật giáo, đến thậm chí các loại được phẩm Đông y... Thích Chân Quang còn “bắt trend” công nghệ rất nhanh khi công ty Pháp Quang có hẳn ứng dụng (app) cài trên điện thoại và người dân có thể mua vật phẩm Phật giáo bằng hình thức... thẻ cào.

Trên mạng, dưới những clip thuyết giảng của Thích Chân Quang luôn có dòng chữ: “Nhằm đảm bảo tính trung thực về nội dung cho các ấn phẩm của Thượng tọa Tiến sĩ Thích Chân Quang như bài giảng, sáng tác nhạc, khí công... thuộc “Pháp Quang – Sen Hồng” – công ty TNHH Văn hóa Pháp Quang quản lý và phát hành. Xin vui lòng không đăng lại dưới mọi hình thức. Nếu chúng tôi phát hiện có thể dẫn đến khóa kênh của bạn vĩnh viễn.” Sự đe dọa rất xa lạ với tinh thần Phật giáo còn có thể thấy ngay trên Fanpage chính thức của chùa Thiên Tôn Phật Quang, khi kêu gọi các tín đồ trình báo những tài khoản mạng xã hội nào nói xấu thầy Thích Chân Quang để... nhà chùa “report”.

Như một cán bộ tuyên giáo đích thực, Thích Chân Quang luôn thực hiện những bài “thuyết giảng” với nội dung ca ngợi chính quyền Việt Nam, ca ngợi tư tưởng HCM, ca ngợi chủ nghĩa xã hội, tỏ rõ thái độ ủng hộ Trung Quốc, hoàn toàn không mang màu sắc Phật giáo. Bài giảng “Sức mạnh dân tộc đến từ đâu” trên YouTube của Thích Chân Quang tại Khu di tích nhà tù Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị vào ngày 25 Tháng Tư 2015 có những lời lẽ không khác gì một cán bộ tuyên giáo cộng sản.

Bao nhiêu năm nay Thích Chân Quang vẫn ung dung tại vị, thậm chí còn làm được điều

mà khó có sư tăng nào làm được, đó là chia sẻ miếng bánh đặc quyền làm kinh tế cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong sự tranh chấp ghê gớm với các vị chức sắc khác. Cần nhắc lại, khi hòa thượng Thích Thanh Tứ trụ trì chùa Bái Đính viên tịch, Thích Chân Quang đã thổ lộ mong muốn được kế nhiệm trụ trì chùa Bái Đính, nhưng khi ấy đại gia Xuân Trường không đồng ý và lobby đưa người của mình là hòa thượng Thích Thanh Nhiễu lên làm trụ trì. Để dần xếp ổn thỏa đôi bên, Thích Chân Quang sau đó được chia cho chức Phó Trưởng Ban Kinh tế Tài chính Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Cư sĩ Phạm Nhật Vũ (em trai ông Phạm Nhật Vượng) là cố vấn của Ban này.

Tên thật của Thích Chân Quang là Vương Tấn Việt. Đương sự từng huy động hàng trăm tín đồ đi trên bốn chiếc xe bus lớn, hộ tống mình về Nam Đàn... để “nhận họ”. Ông cũng tự nhận tên mình là... Hồ Chí Việt. Việc nhận họ rầm rộ này từng có clip đưa lên YouTube nhưng nay đã bị xóa.

Thích Chân Quang kể rằng khi ông Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Hồ Chí Minh, lang thang vào Sa Đéc định cư, kiếm sống bằng nghề bốc thuốc, đã đổi thành họ Vương để tránh tai mắt của chính quyền. Tại đây Nguyễn Sinh Sắc chữa khỏi bệnh cho một người dân; và để đền cái ơn đấy, gia đình ông này đã gả cô con gái tên là Mai cho Nguyễn Sinh Sắc. Cô Mai này còn trẻ hơn cả Nguyễn Tất Thành và sinh ra một người con trai đặt tên là Vương Chí Nghĩa.

Thầy Thích Chân Quang tự nhận mình là con của ông Vương Chí Nghĩa, tức là cháu nội Nguyễn Sinh Sắc, cũng là cháu ruột Hồ Chí Minh, cho nên mới có tên là Hồ Chí Việt. Chuyện này được đích thân Thích Chân Quang úp mở tuyên truyền khắp nơi,

dù khó mà kiểm chứng được độ xác thực, và lạ nhất là chẳng tờ báo nào dám đặt câu hỏi vấn đề này, không công an nào mời Thích Chân Quang “lên phường làm việc” về việc mạo nhận là cháu ông Hồ.

Dựa vào cái danh “cháu ruột Hồ Chí Minh”, Thích Chân Quang được cho là có mối quan hệ thân thiết với Nông Đức Mạnh (cựu Tổng bí thư đảng) và Nguyễn Phú Trọng (đương kim Tổng bí thư đảng). Việc nhà nước Việt Nam xưa nay rất thận trọng và luôn cảm đoán, ngăn chặn những thông tin về đời tư cá nhân, nhưng vẫn lơ đi trường hợp Thích Chân Quang là điều rất không bình thường. Tuy nhiên, trong trường hợp này, ở một đất nước có nhiều người dân và tín đồ Phật giáo u mê vẫn tôn sùng lãnh tụ, thì việc một con cháu của lãnh tụ nay là vị sư tăng “đạo cao đức trọng” hẳn nhiên có tác dụng lôi kéo, dẫn dắt quần chúng cả tin nghe theo.

Nguồn: <https://saigonnhonews.com/thoi-su/viet-nam/khi-nha-su-kiem-can-bo-cong-san/>

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

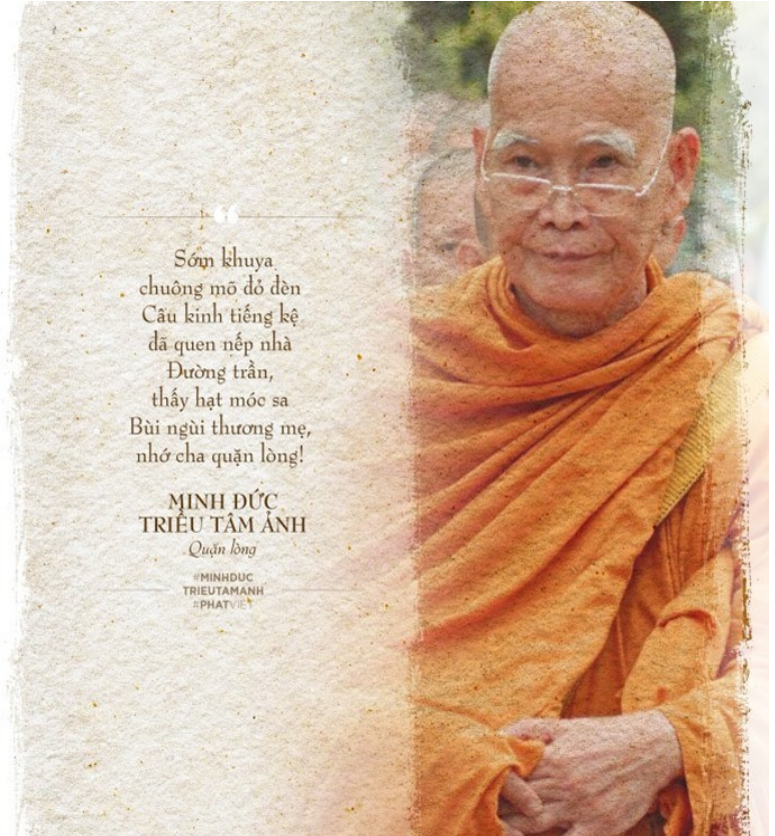
Phẩm Bà La Môn

395.

*Người mặc áo đông rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiên trong rừng.
Ta gọi Bà-la-môn.*



Quận lòng



mời nhau một lần

Phổ Đồng

*Vô thấy Phật
ra thấy mình
Theo nhau triền kiếp
mà thành quên nhau
Bây giờ
đã tỏ mặt nhau
Chén trà sen ướp
mời nhau một lần*

Tiếng nói của yên lặng và sự Nghịch lý trong Thi ca Hoang Phong

Tiếng nói của yên lặng thật ra là tựa của một quyển sách khá xưa (1889) *The Voice of the Silence*, mang tính cách huyền bí. Tác giả là bà Helena Blavatsky (1831-1891), một phụ nữ khác thường, là văn sĩ, triết gia và cũng là một nhà thần bí (occultist / nhà huyền bí). Nơi sinh của bà là thị trấn Dnipro, thuộc lãnh thổ của xứ Ukraina ngày nay, nơi đang xảy ra các trận chiến đẫm máu. Thế nhưng bài viết này không mang chủ đích nhắc đến những cảnh đau thương trên quê hương bà mà chỉ là để nêu lên vài vần thơ đầy thương cảm, trích từ quyển *The Voice of the Silence* của bà:

Tiếng nói của Yên lặng

*

*Em sẽ chẳng bao giờ
Có thể ngao du trên Con đường,
Cho đến khi nào,
Em trở thành chính Con đường ấy.*

*Em hãy để tâm hồn em lắng nghe
Từng tiếng réo gọi của đau thương,
Như đóa hoa sen nở rộ,
Hé mở tim mình uống ánh nắng ban mai.*

*Em chớ để ánh mặt trời gay gắt
Làm khô đi một giọt nước mắt đờn đau nào,
Trước khi em đưa tay lau đi những giọt đau
thương ấy,*

Ưa ra từ khóe mắt của những kẻ khổ đau.

*Em cứ để từng giọt nước mắt nóng bỏng của
con người*

*Rơi vào con tim em và nằm im trong đó,
Chớ lau đi em nhé, cho đến khi nào
Niềm đau làm rơi xuống những giọt nước
mắt ấy chưa tan.*

Các câu này trên đây chỉ là các câu phỏng dịch, trong nguyên bản tiếng Anh (tr. 10 và 11) các câu này là:

*Thou canst not travel
on the Path
before thou hast become
that Path itself.*

*Let thy Soul lend its ear
To every cry of pain
Like as the lotus bares its heart
To drink the morning sun.*

*Let not the fierce Sun dry
One tear of pain before
Thyself hast wiped it
From the sufferer's eye.*

*But let each burning human tear
Drop on thy heart and there remain;
Nor ever brush it off, until
The pain that caused it is removed.*

Chúng ta hãy tìm hiểu vài nét về bà Helena Blavatsky. Bà và một người Mỹ là Henry Steel Olcott (1832-1907), cựu sĩ quan, luật gia và học giả rất quan tâm đến các vấn đề tâm linh, cùng với một người thứ ba là William Quan Juge (1851-1896) đứng ra thành lập Hội Thông Thiên Học (Theosophy) năm 1875, một trào lưu triết học và tôn giáo dựa vào sự kết hợp giữa nền tảng Ấn giáo và Phật Giáo. Ông Henry Steel Olcott là người đã nhiều lần đến Tích Lan để học hỏi về Phật giáo. Năm 1880, ông Henry Steel Olcott và bà Helena Blavatsky cùng từ Mỹ đến Tích Lan để quy y Phật giáo. Điều đáng lưu ý hơn nữa là ông Henry Steel Olcott là người đã thiết kế lá cờ Phật giáo trên đảo Tích Lan năm 1885, và cũng là người làm sống lại nền Phật giáo trên hòn đảo này sau nhiều thế kỷ cải đạo và tranh dành thuộc địa giữa các nước Bồ Đào Nha, Hòa Lan và Anh quốc.

Trở lại với các câu thơ trên đây của bà Helena Blavatsky thì chúng ta sẽ thấy các câu thơ này nêu lên các hình ảnh hoàn toàn mang tính cách biểu trưng, vượt lên trên lý trí và sự hợp lý thông thường, phản ánh một sự nghịch lý hay phi lý nào đó. Trên phương diện tổng quát, nếu văn xuôi dựa vào sự diễn đạt hợp lý và quy ước, thì trái lại thì ca tìm một con đường khác là sự rung động của con tim. Sự rung động tạo ra bởi xúc cảm đôi khi có vẻ nghịch lý, thế nhưng dường như sâu sắc và trực tiếp hơn so với sự lý luận hợp lý và công thức của tri thức.

Sự nghịch lý giữa con tim và lý trí đó

đã được nhà sư Sangharakshita (1925-2018) nhận thấy trong quyển *The Voice of the Silence* của bà Helena Blavatsky, và ông đã nêu lên sự nghịch lý này trong một bài khảo luận mang tựa "*Paradox and Poetry in "The Voice of the Silence"* / "*Sự Nghịch lý và Thi phú trong quyển sách "Tiếng nói của Yên lặng"*", và bài khảo luận này cũng đã được Viện Nghiên cứu Văn hóa Thế giới của Ấn Độ (The Indian Institute of World Culture) xuất bản năm 1958.



H.1: Bà **Helena Blavatsky** (ảnh chụp năm 1877 tại Nữu Ước). **H.2:** Bà **Helena Blavatsky** và ông **Henry Steel Olcott**, người thiết kế lá cờ Phật giáo (ảnh chụp năm 1880, tại California, USA). **H.3:** Ông **H. S. Olcott** là người ngồi giữa, bà **H. Blavatsky** đứng phía sau lưng ông **H. S. Olcott** (ảnh chụp năm 1881 tại Tích Lan, sau khi tham dự một đại hội Phật giáo được tổ chức năm 1980, và trong dịp này ông đã trình lên đại

hội lá cờ Phật giáo do chính ông thiết kế. Tuy nhiên mãi đến năm 1950, trong dịp hội nghị Phật giáo quốc tế được tổ chức tại thủ đô Colombo của Tích Lan, thì lá cờ này mới được chính thức chấp nhận)

Trong bài khảo luận này nhà sư Sangharakshita có trích ra các câu thơ trên đây. Các câu thơ này phản ánh một sự phi lý nào đó, thế nhưng thật rõ ràng là phía sau sự phi lý đó còn ẩn chứa một cái gì khác hơn, sâu xa và rộng lớn hơn. Nếu bên trong chính mình không có một hạt giống thì chúng ta sẽ không thể nào lớn lên như một cây cỏ thụ. Nếu cánh cửa của con tim khép kín, thì chúng ta không thể nào bước vào Con đường. Nếu không lắng nghe được những tiếng đau thương réo gọi, thì con tim nào có biết đau nhói là gì. Những giọt nước mắt nóng bỏng của con người không rơi vào đáy tim ta mà chính con tim ta phải đưa hai tay để hứng lấy những giọt đau thương ấy. Cánh sen hé mở để uống ánh mặt trời, từ bi hé mở để sưởi ấm đáy tim ta. Khi nào chúng ta chưa trở thành chính Con đường, thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ có thể thật sự ngao du trên Con đường đó.

Thi ca là một sự nghịch lý, xúc cảm là một sự nghịch lý, thế nhưng chỉ có sự nghịch lý của thi ca thì mới nói lên được sự nghịch lý của xúc cảm mà thôi. Nói một cách khác mở rộng hơn, thì thi ca cũng như mọi hình thức nghệ thuật khác - âm nhạc, hội họa, điêu khắc, ca vũ... - là các phương tiện giúp con người biểu lộ một cái gì đó, một xúc cảm nào đó vượt lên trên sự hợp lý và quy

ước, mang lại một cái gì mới lạ hơn, sâu xa và cao cả hơn, mà ngôn từ và chữ nghĩa không sao mô tả được một cách đúng mức.

Vào thời kỳ cực thịnh của nền văn minh Trung quốc dưới triều đại nhà Đường, có một thi sĩ rất lỗi lạc là Lý Bạch (李白, 701-762). Chúng ta hãy tìm hiểu một bài thơ của ông dưới đây:

月下獨酌 Nguyệt hạ độc chước
Uống rượu một mình dưới trăng

花間一壺酒, Hoa gian nhất hồ tửu,
Giữa hoa một bầu rượu,
獨酌無相親。 Độc chước vô tương thân。
Ngồi uống một mình ta.
舉杯要明月, Cử bôi yêu minh nguyệt,
Nâng chén mời trăng sáng,
對影成三人。 Đối ảnh thành tam nhân。
Với bóng là cả ba.
月既不解飲, Nguyệt ký bất giải ẩm,
Con trăng nào biết uống,
影徒隨我身。 Ảnh đồ tùy ngã thân。
Lẽo đẽo bóng theo ta.
暫伴月將影, Tam bạn nguyệt tương ảnh,
Cả ba cùng làm bạn,
行樂須及春。 Hành lạc tu cập xuân。
Cùng vui chờ xuân đến.
我歌月徘徊, Ngã ca nguyệt bồi hồi,
Ta hát, trăng ngậm ngùi,
我舞影零亂。 Ngã vũ ảnh linh loạn。
Ta múa, bóng cuồng quay.

醒時同交歡, *Tỉnh thì đồng giao hoan,*
Tỉnh rượu cùng bất cười,
醉後各分散。 *Túy hậu các phân tán.*
Hết say ta chia tay.

永結無情遊, *Vĩnh kết vô tình du,*
Đường đời luôn khăng khít.
相期邈雲漢。 *Tương kỳ mạt Vân Hán.*
Cõi Ngân Hà hẹn nhau.

Bài thơ trên đây rất sâu sắc, dường như Lý Bạch dấu diếm một cái gì đó thật sâu kín phía sau chén rượu, con trăng trên bầu trời và bóng hình của mình trên các khóm hoa. Có rất nhiều bản dịch sang tiếng Việt và cả các ngôn ngữ Tây phương, thế nhưng trong số các bản dịch đã được tham khảo, dường như không thấy có bản nào nói lên được nỗi niềm sâu kín đó của Lý Bạch, thậm chí có vài bản còn xem bài thơ này là một bài thơ khôi hài, điên loạn hay điều cợt. Điều đó có thể là vì Lý Bạch không trực tiếp nói lên niềm đau sâu kín bên trong tâm thức mình mà lại mượn tình bạn khăng khít giữa hình bóng của mình và con trăng sáng cùng với hơi men, để nói lên sự khắc khoải và ray rứt đó trong lòng mình.

Vậy sự khắc khoải và ray rứt ấy là gì? Đây là nỗi niềm cô đơn sâu kín trong tâm hồn Lý Bạch, một sự cô đơn mang tính cách hiện sinh trong cuộc sống. Thế nhưng Lý Bạch lại diễn tả sự cô đơn đó bằng tình bạn thắm thiết giữa mình với con trăng trên bầu trời và bóng hình mình trên các khóm hoa. Đây là sự nghịch lý của xúc cảm và thi ca. Sự cô đơn đó lại càng trở nên thắm thía hơn nữa khi Lý Bạch hiểu rằng con trăng không

cùng chia sẻ với mình một chén rượu, và bóng hình mình cũng không biết say khướt với mình mà chỉ biết nhại lại mình, quay cuồng với mình mà thôi.

Trong những thời xa xưa, đêm tối là một cái gì đó thật mênh mông và huyền bí, phân cách cách con người với nhau, đi lại thì phải thấp đuốc hoặc cầm đèn lồng. Con trăng hiện lên vào những đêm trăng sáng biến cảnh vật trở thành huyền ảo và thơ mộng hơn. Trên cung trăng có chú cuội và cả một nàng tiên. Ngày nay con người đông đúc, đèn điện sáng choang, không khí ô nhiễm, con trăng mờ đục, không mấy ai còn để ý đến nó nữa. Nhất là con người đã lên đến mặt trăng và trở về địa cầu, hình bóng chú cuội ngây thơ và bóng dáng xinh đẹp của cô tiên nữ không còn ám ảnh tâm trí của con người ngày nay nữa.

Thế nhưng đối với một thi nhân sống cách nay mười hai thế kỷ, thì con trăng là một cái gì đó thật sinh động và huyền diệu. Thế nhưng tiếc thay tiên nữ trên cung trăng lại không biết cùng với Lý Bạch say khướt giữa đêm thanh. Bóng hình mình thân thiết và gần gũi với mình hơn, cũng không biết cùng chia sẻ nỗi niềm cô đơn của mình qua chén rượu mà chỉ biết nhại lại các cử chỉ của một kẻ chệnh choáng hơi men:

Con trăng nào biết uống,
Bóng lẽo đẽo theo ta.

Tuy nhiên cũng có một sự khác biệt giữa con trăng và bóng hình của người thi

nhân. Bóng hình chỉ là biết múa rối, trái lại con trăng biết ngậm ngùi khi nghe thấy tiếng hát của thi nhân vang vang trong đêm thanh vắng:

*Ta hát, trăng ngậm ngùi,
Ta múa, bóng cuồng quay.*

Khi tỉnh rượu, thì con trăng đã lặn, bóng hình cũng mất, tất cả trả lại cho thi nhân cái cô đơn của sự sống, cái vô tình và phủ phàng của thực tại. Lý Bạch nêu lên sự khằng khít giữa ba người bạn không phải là để ca ngợi sự tương kết mâu nhiệm giữa mình, hình bóng của mình và con trăng trong những đêm thanh vắng, mà là để nói lên cái cô đơn trong tâm hồn mình, cái lẻ loi của sự sống, cái khoảng trống không mênh mông của sự hiện hữu của chính mình giữa cảnh vật thiên nhiên. Đây là sự nghịch lý trong bài thơ của Lý Bạch. Sự nghịch lý đó hiện lên khi con say chắm dứt, khiến cả ba cùng ngỡ ngàng:

*Tỉnh rượu cùng bật cười,
Hết say ta chia tay.*

Dù mỗi người một ngã, thế nhưng tình bạn vẫn thấm thiết, cả ba cùng hẹn nhau một đêm trăng sáng bên bờ nước sông Ngân:

*Đường đời luôn khằng khít,
Bến Ngân Hà hẹn nhau.*

Chúng ta chỉ biết hy vọng là bên bờ sông Ngân có một quán rượu để Lý Bạch

tiếp tục say khướt giữa vũ trụ mênh mông và vắng lặng, và biết đâu Lý Bạch cũng có thể đập tay vào bầu rượu và hét lên giữa không trung: "Hoá ra cũng có một tên già ở một xó kẹt nào đó trong cõi nhân gian trên địa cầu xa tít dưới kia, cũng hiểu được nỗi cô đơn ray rứt trong lòng ta đã hơn mười hai thế kỷ: Ha! Ha!

Chúng ta hãy chọn một bài thơ khác, một bài thơ Haiku của Nhật Bản. Haiku là một thể loại thơ chỉ gồm một câu duy nhất. Chữ Haiku là một chữ có nguồn gốc tiếng Hán, chuyển sang tiếng Việt là Hài-cú, hài có nghĩa là hài hước, cú có nghĩa là câu thơ. Tóm lại "haiku" là một câu thơ khôi hài hay hài hước. Sau đây là một bài thơ hay đúng hơn là một câu thơ "hài hước" của một ni sư Nhật Bản là Chiyo-ni (1703-1775):

*Cọng rau muống,
quấn vào chiếc gàu cạnh giếng,
khiến tôi phải xin láng giếng một ít nước.*

Câu thơ thật ngắn, nói lên một sự nghịch lý gần như là cả một sự ngờ ngẩn hay đần độn, thế nhưng lại hàm chứa một cái gì đó thật sâu xa và rộng lớn. Cái gì đó chính là cảm tính thương yêu và kính trọng sự sống, kể cả đối với sự sống của một cọng rau muống đang quấn vào chiếc gàu bên cạnh một giếng nước.

Đến đây chúng ta hãy trở về với nền thi phú của Việt Nam với bài thơ Qua đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan:

Qua đèo Ngang

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông rợ mấy nhà.
Nhớ nước, đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà, mỗi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.*

Bà Huyện Thanh Quan là một thi sĩ tả cảnh thiên nhiên, thế nhưng nêu lên các cảnh vật thiên nhiên thật ra chỉ là cách gửi gắm tâm sự và các cảm nghĩ của bà. Bài thơ thất ngôn bát cú thật tuyệt vời trên đây nêu lên một khung cảnh thiên nhiên mênh mông và hoang vắng, thế nhưng phía sau sự mênh mông và hoang vắng đó dường như che dấu một cái gì đó, một xúc cảm nào đó bí hiểm và sâu sắc hơn:

*Nhớ nước, đau lòng con quốc quốc (cuốc cuốc),
Thương nhà, mỗi miệng cái gia gia (da da).*

Và nhất là câu kết:

Một mảnh tình riêng, ta với ta?

Trước cảnh bát ngát của đèo Ngang khi mặt trời ngả bóng, các xúc cảm gì và ý nghĩ gì đã hiện lên trong lòng người thi nhân qua những câu thơ đó? Có rất nhiều bài bình giải về bài thơ này của bà Huyện Thanh Quan, thế nhưng dường như không thấy có học giả nào tìm hiểu sâu xa hơn, hoặc ít nhất cũng giải đoán phần nào ý nghĩa ẩn chứa

trong các câu thơ ấy của bà. Trước quang cảnh tuyệt vời đó của quê hương tại sao lại nhớ nước? Tại sao lại thương nhà? Cái mảnh tình riêng ấy là gì? Nếu muốn hiểu được tâm trạng ấy của bà thì thiết nghĩ phải hiểu hoàn cảnh của bà, và nhất là nguyên nhân nào đã khiến bà "bước tới đèo ngang" vào một buổi chiều khi ánh mặt trời sắp tắt. Thiết nghĩ bà không thể ngồi nhà tưởng tượng ra quang cảnh của đèo Ngang để sáng tác một bài thơ đẹp như vậy.

Quê quán của bà là ngôi làng Nghi Tàm bên bờ Hồ Tây Hà-nội. Bà sinh khoảng năm 1805, mất khoảng năm 1848, ở tuổi 42-43. Chồng bà được bổ làm quan tại kinh đô Huế, bà theo chồng và sau đó cũng được bổ chức Cung Trung Giáo tập, giữ trọng trách dạy học cho các công chúa và cung phi. Hai vợ chồng có bốn con, thế nhưng sau đó thì chồng bà mất sớm. Sau khi an táng chồng tại kinh thành Huế, thì một tháng sau bà xin từ quan, dắt bốn con trở về quê quán bên bờ Hồ Tây. Đây là nguyên nhân khiến bà:

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà.

Thời bấy giờ, việc di chuyển trong nước chủ yếu là bằng thuyền dọc theo bờ biển. Từ Hà Nội muốn đến kinh đô Huế thì trước hết phải xuống Hải Phòng, sau đó dùng thuyền dọc theo bờ biển để đến kinh đô. Cuộc hành trình mất đến hàng tháng. Đường bộ thì phải dùng ngựa hay xe bò, hoặc đi bộ, và cũng phải mất hàng tháng hay hơn. Bà Huyện Thanh Quan và bốn con và

gia nhân có thể là đi đường bộ, có những đoạn đường có xe bò, nhưng cũng có những đoạn phải đi bộ. Bà dắt bốn con thơ:

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*

Từ đỉnh đèo nhìn xuống, vài người tiều phu lom khom vác củi về nhà khi chiều xuống. Đó đây một vài mái tranh của các dân tộc thiểu số, khói bếp bốc lên cao:

*Lom khom dưới núi tiều và chú,
Lác đác bên sông rợ mấy nhà.*

Bà bỏ lại sau lưng kinh thành Huế, chức phận chốn triều đình, và cả người chồng vừa mới mất. Tiếng kêu của con chim cuốc trong một bụi cây khiến bà giật mình:

Nhớ nước, đau lòng con quốc quốc.

Nhìn ra trước mặt thì quê nhà xa tít, bà bỏ làng quê theo chồng đã từ bao năm rồi. Bà còn trẻ, có thể là cha mẹ mình vẫn còn sống tại quê nhà. Nghe tiếng kêu của con chim đa đa trong đám cỏ, bà chợt nhớ đến làng quê. Bà nôn nóng muốn sớm trở về làng quê để tìm sự an ủi bên cạnh cha mẹ và tiếp tục nuôi nấng đàn con bên bờ Hồ Tây:

Thương nhà, mới miệng cái gia gia.

Trước cảnh thiên nhiên mênh mông,

đây đó vài mái nhà thờ khói giữa một buổi chiều sắp tắt, vụt hiện lên ngồn ngàng trong lòng bà những nỗi niềm và khắc khoải của nhớ thương. Tiếng kêu của chim cuốc và chim đa đa khiến bà đứng khựng lại, không còn bước thêm được nữa. Bóng dáng người chồng ngày nào nơi chốn kinh đô vụt hiện lên với bà:

*Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Trên đây là một bài thơ của tầng lớp văn gia và nho sĩ, nếu nhìn sâu hơn nữa vào ca dao, các điệu hò và tiếng hát dân gian, thì chúng ta cũng sẽ thấy những sự nghịch lý trong xúc cảm đại loại như trên đây. Vậy chúng ta hãy thử tìm hiểu một bài hát ru con sau đây của miền đồng bằng sông nước miền Nam:

*Vì dầu câu ván đóng đình,
Cầu tre lắt léo, gập ghềnh khó đi.
Khó đi, mẹ dắt con đi,
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.
Má ơi đừng gả con xa,
Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu?
Bước ngang qua nhà má,
Tay tui xá,
Cẳng tui quỳ.
Vì thương con má sá gì thân tui.
Chiều chiều ong nữ đi đặng,
Cá tôm nhảy hết nhẩn răng cười hoài.
Má ơi con vọt chết chìm,
Con thò tay con vớt,
Con cá lìm kìm nó đớp tay con.*

Bài ru con trên đây được chép lại nguyên văn từ một bài viết gần đây được đưa lên một vài trang mạng trong nước và cả ngoài nước, và cũng đã được nhiều người chuyển cho nhau, nhưng có một câu chép sai, chúng ta sẽ tìm hiểu dưới đây. Thế nhưng chọn bài hát này không phải là để vạch cái sai mà là để nêu lên một sự nghịch lý và cả phi lý thật hiển nhiên và phũ phàng trong các câu cuối của bài hát:

*Má ơi con vịt chết chìm,
Con thò tay con vớt,
Con cá lim kìm nó đớp tay con.*

Con vịt sống trong môi trường nước thì làm thế nào mà chết chìm được. Con cá lim kìm bé tí xíu chỉ bằng một que tăm, sống thành đàn trên mặt nước, thoáng bóng người thì nó lặn mất hoặc lội tứ tán, cá lim kìm có bao giờ cắn vào tay người đâu. Những hình ảnh nghịch lý và cả phi lý đó nói lên điều gì? Nếu muốn hiểu được "sự thật" ẩn chứa trong sự nghịch lý và phi lý đó, thiết nghĩ trước hết cũng phải hiểu được "ý nghĩa" của toàn bộ bài hát. Dù chỉ là một bài hát "ầu ơ", thế nhưng hàm chứa những nỗi niềm thật sâu sắc.

Tiếc thay dường như một số người không nắm bắt được các xúc cảm ẩn chứa trong bài hát ru con nên đã hiểu sai và chép sai. Thật vậy bài hát ru con nêu lên trong bài viết của một thi sĩ và nhạc sĩ rất thành thạo về văn chương và thí phú có một câu chép sai không có nghĩa gì cả. Thật cảm phục sự

bén nhạy của tác giả đã cảm nhận được sự ỷ nhị và dí dỏm trong các câu "nghịch lý" trên đây, thế nhưng dường như không tìm hiểu cặn kẽ hơn ý nghĩa của toàn bộ bài hát: câu "*Chiều chiều ong nữ đi đặng*" không có nghĩa gì cả, "ong nữ" là ong gì? Câu này thật ra là: "*Chiều chiều ông Lữ đi đặng*". "Ông Lữ" ở đây có nghĩa là ông "Lữ Vọng" (呂望), một nhân vật huyền thoại trong lịch sử cổ đại của Trung quốc, thuộc thời Tây Chu và Chiến Quốc, tức vào thế kỷ XII trước Tây lịch. Ông Lữ Vọng cũng thường được gọi là ông Lã Vọng. Chúng ta thường thấy các tượng hay tranh vẽ trong nghệ thuật dân gian một ông cụ ngồi câu cá, thì đấy là ông Lữ Vọng hay Lã Vọng, chẳng hạn như tại Hà Nội có một quán ăn gọi là quán "Lã Vọng" với một món cá lăng rất đặc biệt. Tên của ông là Khương Tử Nha, sử sách cho biết ông cụ Tử Nha ngồi câu cá chờ thời, đến tám mươi tuổi thì mới gặp vận tốt. Tóm lại "ong nữ" là chữ chép sai, thế nhưng các trang mạng cứ thế mà đăng, không thấy có trang nào sửa giúp, hoặc có ai lên tiếng.

Trở lại với bài hát thì bốn câu đầu là cách nêu lên nội dung của toàn bộ bài hát ru con:

*Ví dầu cầu ván đóng đinh,
Cầu tre lắc lẻo, gập ghềnh khó đi.
Khó đi, mẹ dắt con đi.
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.*

Cầu ván biểu trưng cho chốn giàu sang, thế nhưng cầu ván thì có thể bị đinh lồi lên mặt ván và đâm vào chân, cầu tre thì

chòng chành khó đi. Con chập chững bước vào đời mẹ là người từng trải, mẹ hãy dắt con đi, thế nhưng:

*Má ơi đừng gả con xa,
Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu?*

Câu thứ nhất có nghĩa là "Biết thế thì mẹ chớ gả con xa quê như thế này", chữ đừng trong ngôn ngữ dân gian cũng có nghĩa là không nên, nói lên một sự hối tiếc hay lỗi lầm, nhưng không nhất thiết là một sự khuyên bảo. "Các chữ chim kêu vượn hú" trong câu thứ hai có nghĩa là một nơi xa quê nhà, xa xóm làng, xa cha mẹ, nhưng không phải là cách nói lên một nơi hoang vắng không có người ở.

*Bước ngang qua nhà má,
Tay tui xá, cẳng tui quỳ.*

Đi ngang nhà má nhưng cũng không dám ghé. Tay tui xá, cẳng tui quỳ là một cách nói phóng đại, nêu lên lòng thương nhớ mẹ. Chữ con trong các câu đầu là cách nghĩ đến mẹ, nhớ thương mẹ, trách móc mẹ sao lại gả bán mình ở chốn xa quê. Chữ tui vụt hiện lên trong các câu trên đây là cách nghĩ đến thân phận hẩm hiu của mình: dù có dịp đi ngang nhà má thì cũng chỉ biết quỳ xuống chấp tay mà xá thế thôi.

Vì thương con, má sá gì thân tui.

Câu này là một câu trách mẹ: vì muốn

gởi con vào nơi giàu có mà má gả con xa, má nào có nghĩ đến hạnh phúc của con đâu? Con đi trường học, mẹ đi trường đời.

*Chiều chiều ông Lữ đi đặng,
Cá tôm nhảy hết nhả răng cười hoài.*

Đặng là một cái phen đan bằng tre dùng để chận một con lạch hay một dòng nước để bắt cá. Ông Lữ Vọng ngồi câu cá đến tám mươi tuổi mới gặp vận tốt, thế nhưng mẹ con mình thì chẳng bắt được con nào cả:

*Cá tôm nhảy hết, nhả răng cười hoài.
Ru con kéo kẹt ầu ơi,
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.*

Câu "Ru con kéo kẹt ầu ơi" là một câu được người viết các dòng này ghép thêm vào hai câu trong bài hát ru con để biến thành ba câu lục bát, nêu lên sự nghịch lý về niềm đau của một thiếu phụ xa nhà, xa cha mẹ. Thế nhưng bài viết của vị nhạc sĩ và thi sĩ đã được nói đến trên đây thì lại cho rằng: "Nhưng chính từ những cái ngược đời ấy mà thể hiện được hình ảnh một cô gái rõ là thơ ngây, đang không nhẽo mẹ!" (trích dẫn nguyên văn)". Phải chăng câu này cho thấy tác giả bài viết cho rằng bài hát ru con trên đây là lời của một người chị ru em? Nếu đúng là như vậy thì quả là cả một điều đáng tiếc. Độc giả có thể gõ vào một công cụ tìm kiếm các chữ: "má ơi con vệt chết chìm" thì sẽ tìm thấy bài viết này trên nhiều trang mạng. Dầu sao thì những lời ru con trong bài viết trên đây cũng chỉ là để giới thiệu một

bài thơ của một tác giả khác mượn hình ảnh con vịt chết chìm và các con cá lìm lìm trong một mương rạch để nói lên sự tiếc nuối một thời quá khứ của mình, bài thơ này rất khéo và ý nhị. Nói chung sự nghịch lý trong thi ca là một phương tiện, một kỹ thuật - nếu có thể nói như vậy - nhằm mục đích bộc lộ các xúc cảm quá khó, hoặc không thể nào diễn tả được bằng sự hợp lý của các ngôn từ quy ước và công thức.

Thi ca là một sự cảm nhận, một sự rung động, xoáy sâu vào tâm thức và con tim mình. Có những xúc cảm biến mình trở thành cao quý hơn, chẳng hạn như các vần thơ của bà Helena Blavatsky vẽ lên những giọt nước mắt đau thương, hoặc một câu thơ thật ngắn của ni sự Chiyo-ni nói đến một cọng rau muống quăn vào một chiếc gàu. Thế nhưng cũng có những câu thơ của một thi nhân say khướt với nỗi niềm cô đơn của mình giữa một đêm trăng thanh vắng; hoặc những câu thơ của một góa phụ dặt đàn con: *bước tới đèo Ngang bóng xế tà, hoặc tiếng ru con kẽo kẹt: À ơi, cầu ván đóng đinh, cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi..., con đi trường học, mẹ đi trường đời.*

Phụ lục

Chúng ta chỉ có thể bước đi trên con đường khi nào chính mình đã trở thành con đường ấy. Chúng ta không thể chỉ biết nhìn vào một cánh diều lơ lửng giữa không trung, mà còn phải nhìn thấy đứa bé trên bờ đê giật sợi dây kéo con diều bốc cao trong một buổi chiều lộng gió. Nếu cùng đứng với đứa bé

trên đê thì chúng ta cũng có thể nghĩ thấy được cả hương thơm của những bông lúa mới từ các cánh đồng bên hai bờ đê, và nếu tạm cầm hộ sợi dây cho đứa bé để kéo con diều cao hơn, thì biết đâu chúng ta cũng có thể cảm thấy được những ước mơ sâu kín trong tâm hồn đứa bé đang cùng bốc cao với cánh diều, những ước mơ mà chính nó, với cái tuổi ngây thơ của nó, cũng không hề ý thức được. Mỗi người có một con đường, dù không phải là con đường của mình, thế nhưng chúng ta cũng có thể cảm thấy mình cùng bước đi bên cạnh họ trên con đường của họ trong thế giới thật nghịch lý này.

Cơn ác mộng

*Giật mình, cơn ác mộng,
Tôi ra đời từ thuở nào?
Một buổi sáng hừng đông?
Hay một đêm tối không trăng sao?*

*Tôi ra đi một buổi chiều,
Bên vệ đường, gối đầu lên tảng đá,
Tôi nằm mơ trông thấy mẹ,
Một nụ cười.*

*Đưa tay cha kéo tôi đứng dậy.
Xa xa bóng anh, bóng chị và cả bóng em
tôi,*

*Dường như đang vẫy gọi,
Bữa cơm chiều, mẹ đã dọn sẵn lên mâm.*

*Mẹ nhìn tôi, mỉm cười, hai dòng nước
mắt.*

Cha nắm tay, hắt hiu buồn trong mắt.

*Gỡ tay cha, không nhìn vào mắt mẹ,
Úp mặt tôi lên đường.*

*Mắt không hồn,
Cùng đoàn người cất bước,
Âm thầm như những bóng ma đêm,
Bữa cơm chiều, mẹ đã dọn sẵn lên mâm.*

*Giữa đường một đứa bé đứng khóc,
Ngửa tay một bà lão ăn xin.
Bên vệ đường, một con chó nằm chết.
Tôi dừng lại hay cứ bước?*

*Tôi ra đi từ thuở nào?
Dẫm con đường, trẫm vạ nẻo?
Tôi cứ bước.
Bữa cơm chiều, mẹ đã dọn sẵn lên mâm.*

*Giật mình tôi đứng lại,
Sau lũy tre, tiếng súng nổ, viên đạn bay.
Một đám người ôm nhau,
Tiếng dậm chân, nghẹn ngào đôi tiếng
nấc.*

*Tôi ra đi hay dừng lại?
Một con thuyền, muôn ngọn sóng.
Vài tên cướp, dẫm tiếng cười,
Nghìn tiếng khóc.*

*Kìa hòn đảo nơi chân trời,
Hay tử thần đang lấp ló?
Nhấp nhô một con thuyền.
Bữa cơm chiều, mẹ đã dọn sẵn lên mâm.*

Tôi đến đây từ thuở nào?

*Một buổi sáng hừng đông?
Hay bơ vơ một buổi chiều xa lạ?
Chón quê nhà, bữa cơm chiều, mẹ đã dọn
sẵn lên mâm.*

Bures-Sur-Yvette, 30.04.2005

Hoang Phong

Gối đầu trên tảng đá bên vệ đường, trong mơ cha tôi đưa tay kéo tôi đứng dậy; xa xa bóng anh, bóng chị và cả bóng em tôi đang vẫy gọi. Bóng cha tôi là tổ tiên tôi, bóng anh, bóng chị và bóng em tôi là dân tộc tôi. Mẹ tôi, người mẹ quê hương, đang ngồi chờ tôi bên mâm cơm dọn sẵn. Thế nhưng tại sao tôi ra đi? Tôi đến đây từ thuở nào? Đây là sự nghịch lý của sự sống, sự nghịch lý của một dân tộc. Xác người trôi dạt trên ngọn sóng hay xác một con chó nằm chết bên vệ đường thì nào có gì khác nhau, và đây cũng là một sự nghịch lý, thế nhưng không phải là một sự nghịch lý của thi ca mà là một sự nghịch lý điên rồ của con người.

Thế nhưng chúng ta hãy cứ để cho những sự nghịch lý đó, những giọt đau thương đó, se thắt đáy tim ta. Dù những sự nghịch lý đó, những giọt đau thương đó chỉ là những sự phũ phàng, chẳng có gì là sâu sắc hay thơ mộng cả, thế nhưng chúng ta hãy cứ hát lên những sự nghịch lý ấy, sự phũ phàng ấy, những giọt đau thương ấy bằng những lời yêu thương và từ bi vô biên. Phải chăng đây là cách giúp chúng ta biết nắm chặt tay nhau, dìu nhau trên con đường nghịch lý đó trong thế giới đầy nghịch lý này.

Đôi khi chỉ cần nghe thấy tiếng ầu ơ nơi sông nước Hậu giang, hay tiếng hò mái đậy trên giòng Hương giang, hoặc tiếng hát quan họ của một cô gái mặc áo tứ thân, chít khăn mỏ quạ, thì cũng đủ mang chúng ta trở về một quá khứ thật êm ả, giữa những sự nghịch lý mênh mông. Cách nay vài hôm sau khi nghe bài hát *Rất Huế* của nhạc sĩ Võ Tá Hân trên YouTube, tôi chợt nhớ lại cách nay khá lâu, trong một lúc ngẫu hứng, tôi có viết một bài thơ chẳng có gì là đặc biệt cả, thế nhưng lại được một nghệ sĩ gốc Huế có tiếng, ngâm lên với một giọng rất Huế, Huế rặc. Giọng ngâm đậm đà của người nghệ sĩ xứ Huế, biết đâu cũng có thể khiến chúng ta quên đi trong giây lát những sự nghịch lý to lớn hơn trong thế giới nghịch lý này. Bài viết mang tính cách tản mạn trên đây thật ra cũng chỉ nhằm vào một mục đích khiêm tốn mang lại cho các bạn đọc xa gần vài giây phút giải khuây trong những ngày đầu xuân, với hy vọng sẽ mở ra một năm mới ít nghịch lý hơn chẳng?

Xem thêm

- Độc giả có thể nghe bài hát *Rất Huế* theo địa chỉ liên kết: <https://www.youtube.com/watch?v=4SFuxHgmyZQ>, hoặc có thể gõ các chữ sau đây vào một công cụ tìm kiếm: *rất huế nhạc võ tá hân ca sĩ long nhật*.
- Bài thơ với giọng ngâm rất Huế của nghệ sĩ Bảo Cường được đính kèm với bài viết này (xem đính kèm).
- Ngoài ra độc giả cũng có thể xem quyển

sách *The Voice of the Silence* của bà H. Blavatsky theo địa chỉ: <http://www.phx-ult-lodge.org/avoice.htm>. Hoặc xem bản dịch tiếng Pháp của quyển sách này theo địa chỉ: https://www.filosofiaesoterica.com/wp-content/uploads/2019/07/HPB-Ed.-_-La-Voix-_PDF_-du-Silence-__.pdf

- Độc giả cũng có thể xem bài khảo luận của nhà sư Sangharakshita về quyển sách của bà H. Blavatsky theo địa chỉ: <https://www.theosophical.org/files/resources/articles/ParadoxAndPoetry.pdf>

- Đối với các bản dịch tiếng Việt về bài thơ của Lý Bạch thì độc giả có thể gõ vào một công cụ tìm kiếm các chữ: *nguyệt hạ độc chước thơ lý bạch*; đối với các bản dịch tiếng Pháp thì gõ các chữ: *buvant seul sous la lune li po*, hoặc tiếng Anh thì gõ các chữ: *drinking alone under the moon li bai*.

Bures-Sur-Yvette, 05.02.23

Hoang Phong



ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

(Tiếp theo trang 7)

Giáo hội hoạt động ổn định và phát triển; 97 thành viên Hội đồng Chứng minh, 147 Ủy viên Hội đồng Trị sự chính thức và 48 Ủy viên dự khuyết. Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đã phê chuẩn và ban hành quy chế hoạt động của các cấp Giáo hội từ Trung ương đến địa phương. Ban Truyền thông ra đời năm 2011 đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc quảng bá hình ảnh Giáo hội Phật giáo Việt Nam đến với Phật tử và quần chúng nhân dân. Trong nhiệm kỳ VI, Ban Tăng sự các Tỉnh, Thành hội Phật giáo đã ký cho phép 4.789 ưu bà tắc, ưu bà di xuất gia tu học tại các cơ sở tự viện của Giáo hội.

Giáo dục và đào tạo Tăng ni rất được quan tâm và hiện đang có được những thành tựu vui mừng: Hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 04 Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ. Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Phật học tại học viện Phật giáo Việt Nam – TP. Hồ Chí Minh đã chính thức khai giảng khóa 1 năm 2012, có 155 Tăng ni sinh theo học; Học viện Phật giáo Việt Nam đã có 2.210 Tăng ni sinh tốt nghiệp cử nhân Phật học, đang đào tạo 1.732 Tăng ni sinh; các chương trình đào tạo Cao đẳng Phật học (hiện có 08 lớp), Trung cấp Phật học (có 31 trường); Sơ cấp Phật học (có 50 lớp); Giáo dục Phật giáo Nam tông Khmer cũng đang thu được nhiều thành tựu. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện còn có 476 Tăng ni du học ở các nước Ấn Độ,

Trung Quốc, Thái Lan, Pháp, Nhật, Đài Loan...

Theo số liệu thống kê, hiện có 1.006 đơn vị gia đình Phật tử đăng ký sinh hoạt tại 31 Tỉnh, Thành, có 8.261 Huynh trưởng và 65.276 Đoàn sinh đang sinh hoạt ổn định trong lòng Giáo hội.

Phật giáo Việt Nam có nhiều hoạt động sôi nổi góp phần vào xây dựng đời sống của nhân dân cả nước. Tham gia hiến máu nhân đạo, dọn vệ sinh tại các khu công cộng, khắc phục thiên tai, xây nhà tình thương, tình nghĩa, tham gia đoàn cứu trợ, ủy lạo đồng bào vùng sâu, vùng xa, các trại nuôi trẻ mồ côi, người già, người tàn tật, tham gia các đợt học tập, huấn luyện phổ biến tác hại của căn bệnh thế kỷ... Trong phạm vi cả nước có trên 1000 lớp học tình thương, 36 cơ sở nuôi dạy trẻ mẫu giáo bán trú, nuôi dạy trẻ mồ côi khuyết tật, với trên 20.000 trẻ em... Số tiền cho công tác từ thiện của Giáo hội trong nhiệm kỳ qua lên đến 15 tỷ đồng.

Hàng năm những lễ hội Phật giáo luôn thu hút đông đảo quần chúng tham gia, trở thành sinh hoạt tinh thần không thể thiếu của quần chúng nhân dân. Các lễ hội lớn có thể kể đến như: Lễ hội Chùa Hương, Lễ hội Yên Tử, Lễ hội Tây Thiên, Lễ hội chùa Bái Đính...; Lễ hội Phật đàn, Vu Lan báo hiếu, lễ Cầu siêu...

Phật giáo chỉ trong 5 năm (2007 – 2012) đã xuất bản trên 200 đầu kinh sách, nhiều tạp chí như: tạp chí Văn hóa Phật giáo, tạp chí Nghiên cứu Phật học, tạp chí Khuông Việt, tạp chí Phật giáo nguyên thủy... và còn nhiều Nội san khác.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn thường

xuyên tham gia và tổ chức nhiều hội thảo khoa học về tôn giáo với tinh thần học hỏi, cầu thị.

Ngay từ khi mới thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã xác định đường hướng hoạt động của mình là “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội”. Đây chính là phương châm hành động của Tăng ni Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời đại ngày nay. Phật giáo Việt Nam chưa bao giờ hành động xa rời phương châm đó. Tăng ni và Phật tử cả nước đã tích cực tham gia phong trào ích nước lợi dân, làm tròn bổn phận công dân đối với đất nước. Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc, đã và đang đóng góp xứng đáng vào công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập và phát triển toàn cầu, cùng toàn dân xây dựng đất nước công bằng, dân chủ, giàu đẹp, văn minh và tiên bộ. Phật giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống nhân dân ở nhiều lĩnh vực: chính trị, văn hóa, tư tưởng, đạo đức... Giáo hội Phật giáo Việt Nam với những cố gắng, đóng góp của mình đã được Chủ tịch nước hai lần trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

So sánh với trước Đổi mới và so sánh với số liệu những nhiệm kỳ trước của Phật giáo (nhiệm kỳ III, IV, V, VI) thì ta nhận thấy những năm gần đây, hoạt động Phật giáo có phần sôi nổi hơn. Nhiều chùa chiền được tu sửa, tôn tạo, kể cả số được xếp hạng hay chưa được xếp hạng. Số người đi lễ Phật, quy y ngày càng tăng và thu hút nhiều tầng lớp xã hội. Tăng ni Phật giáo nước ta phát triển nhanh về số lượng và ngày càng được nâng cao trình độ về thế học

lẫn Phật học.... Cụ thể như sau:

Trước Đổi mới, năm 1981, khi mới thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam chỉ có gần 12.000 ngôi chùa, hơn 26.000 vị sư tham gia sinh hoạt trong Giáo hội. Cấp địa phương mới có 28 tỉnh, thành phố có Ban Trị sự, mới có 1 Học viện Phật học Vạn Hạnh (tương đương với Học viện Phật giáo ngày nay), một số trường Sơ cấp Phật học, số giảng sư có trình độ tiến sĩ trong Phật giáo chưa đến 10 vị. Nhưng sau 30 năm đổi mới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc từ tổ chức cho đến những hoạt động.

Theo thống kê thì số lượng tăng ni của nước ta trong những năm gần đây tăng lên nhanh chóng: Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, năm 2001, cả nước có 33.606 Tăng ni, đến năm 2005 đã tăng lên đến 37.775 Tăng ni, đến năm 2012 theo thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (đã nêu ở trên), số lượng Tăng ni đã là 46.699. Như vậy từ năm 2001 đến năm 2005 (4 năm) tăng 4.169 tăng ni, từ năm 2005 đến 2012 (7 năm) tăng 8.924 Tăng ni.

Số lượng Tự viện của Phật giáo trong những năm gần đây cũng tăng lên nhanh chóng: năm 2001 cả nước có 14.043 tự viện, năm 2005 có 16.972 tự viện, năm 2012 đã tăng lên 17.287 tự viện...

Từ sự so sánh đó, ta có thể khẳng định Phật giáo Việt Nam đang có sự phát triển. Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển của Phật giáo diễn ra theo nhiều xu hướng:

Thứ nhất: Nhìn chung Phật giáo Việt Nam đang phát triển theo xu hướng hội nhập quốc tế và phụng sự dân tộc. Trong bối cảnh xu thế phát triển, đổi mới và hội nhập toàn

cầu của đất nước, Trong tinh thần hòa bình và hữu nghị, đoàn kết với các nước Phật giáo trên thế giới, để hợp tác cùng nhau góp phần xây dựng, củng cố nền hòa bình cho nhân loại, Phật giáo Việt Nam đã phát triển theo hướng tích cực hội nhập quốc tế. Cụ thể như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tham gia vào tổ chức “Giáo hội Phật giáo Thế giới” và tổ chức “Phật giáo châu Á vì hòa bình” (ABCP). Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cử thành viên của mình tham gia vào Ủy ban tổ chức quốc tế (IOC) Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc.

Chính phủ Việt Nam với vai trò và trách nhiệm tại Liên hợp quốc đã đồng ý tổ chức Đại lễ Vesak 2008 và cho phép Giáo hội Phật giáo Việt Nam đứng ra tổ chức. Đại lễ đã diễn ra từ ngày 14 – 16/5/2008 tại Trung tâm hội nghị quốc gia Mỹ Đình thủ đô Hà Nội và thành công rực rỡ với sự tham dự của hơn 5.000 đại biểu, trong đó hơn 1500 đại biểu quốc tế đến từ 74 quốc gia và vùng lãnh thổ, đây là lễ hội tôn giáo lớn có uy tín với thế giới thể hiện năng lực hội nhập, đối ngoại tôn giáo tích cực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Từ ngày 28/10/2009 đến 3/1/2010, hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới lần thứ XI được Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức thành công tốt đẹp tại Nhà truyền thống văn hóa Phật giáo – chùa Phổ Quang, thành phố Hồ Chí Minh với sự tham dự của nhiều đoàn Phật giáo từ nhiều quốc gia và châu lục.

Giáo hội tích cực thể hiện tư cách thành viên của tổ chức ABCP và liên kết thân hữu với Phật giáo Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc, Myanmar, Mông Cổ, Silanca, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Pháp,

Mỹ, Singapo, Indonexia... Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã làm việc và đón tiếp rất nhiều phái đoàn Phật giáo đến thăm hữu nghị Việt Nam, tham dự các lễ hội, hội nghị, hội thảo quốc tế như: Hội nghị Thế giới hòa bình châu Á, hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo thế giới truyền bá Chánh pháp, hội nghị Liên tôn giáo khu vực...

Hội nhập quốc tế và phụng sự dân tộc đang là xu hướng phát triển song song của Phật giáo Việt Nam. Phát huy tinh thần phụng đạo yêu nước, phát huy vai trò thành viên trong khối đại đoàn kết dân tộc, Phật giáo Việt Nam luôn giữ vững phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tích cực tham gia các phong trào ích nước lợi dân, bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng nếp sống văn minh, luôn ủng hộ và thực hiện nghiêm chỉnh chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn đoàn kết, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, đã và đang tiếp tục đóng góp xứng đáng vào công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập và phát triển toàn cầu, cùng toàn dân xây dựng đất nước công bằng, dân chủ, văn minh.

Thứ hai: Ngay bản thân trong sự phát triển Phật giáo đã manh nha xuất hiện sự thoái hóa và tiêu cực, thể hiện ở sự xuống cấp đạo đức của một bộ phận Tăng ni do ảnh hưởng của kinh tế thị trường.

Cơ chế thị trường tuy có nhiều mặt tích cực, đem lại cho con người nhiều lợi ích nhưng nó cũng bộc lộ một số mặt trái (như đã phân tích ở phần trên). Và những mặt trái ấy đã và đang ảnh hưởng đến Phật giáo. Phật giáo cũng đang gặp nhiều vấn nạn từ mặt trái

của kinh tế thị trường. Ảnh hưởng rõ nét đến lớp Tăng ni trẻ hiện nay, rất dễ ảnh và bị tiêm nhiễm từ những thông tin đa chiều, những sản phẩm độc hại bởi mạng internet và các sách báo. Hiện tượng một số Tăng ni có lối sống thiên về thực dụng, hưởng thụ, nhiều tiêu cực nảy sinh trong cuộc sống tu hành. Điều này dẫn đến sự xuống cấp đạo đức của một số Tăng ni không chịu rèn luyện, tu dưỡng Phật pháp. Hiện nay còn có hiện tượng một số kẻ lợi dụng thần Phật để mưu cầu lợi ích cá nhân, “Trốn việc quan đi ở chùa”, coi tu hành là một nghề làm giàu.

Đối với quần chúng Phật tử hiện nay thì tình trạng mê tín vẫn luôn là nỗi trăn trở, quan tâm lớn của Giáo hội Phật giáo và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Một bộ phận quần chúng nhân dân Phật tử vẫn đặt nặng cúng bái cầu khẩn hơn là tu học chính pháp, tại những cơ sở tín ngưỡng, tình trạng người đến xin bói quẻ thường xuyên diễn ra. Hiện tượng lạm dụng tín ngưỡng đã xảy ra, chùa chiền được mở rộng với quy mô trên mức bình thường và đôi khi việc xây chùa dựng tháp lại mang tính chất thương mại của cá nhân, doanh nghiệp. Và còn rất nhiều vấn đề khác nữa.

Thứ ba: Cần đề cao cảnh giác trước âm mưu lợi dụng Phật giáo của các thế lực thù địch. Trong bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay, chiến lược “Diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc đang lợi dụng vấn đề tôn giáo và dân tộc để chống lại Đảng và Nhà nước ta. Các điểm nóng về tôn giáo trong thời gian gần đây như: Tây bắc, Tây nguyên, Tây nam bộ luôn đặt chúng ta trong hoàn cảnh phải cảnh giác. Hơn thế, từ năm 2000 đến 2006, một số cá nhân và tổ chức

quốc tế có liên quan đến tôn giáo và nhân quyền ở Hoa Kỳ và Châu Âu thường xuyên cáo buộc Việt Nam là một trong các nước vi phạm nhân quyền và tự do tôn giáo, đưa Việt Nam vào danh sách các nước cần đặc biệt quan tâm về tự do tôn giáo. Trong đó đưa ra nhiều thông tin sai lệch, xuyên tạc Việt Nam: “Vi phạm tự do tôn giáo đặc biệt nghiêm trọng”, “Các địa phương vẫn tiếp tục đàn áp nhiều người Tin Lành thiểu số”, “Hiện có người bị giam giữ vì tôn giáo”...

Về Phật giáo, các thế lực thù địch đang lợi dụng một số phần tử cực đoan trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất trước đây, một số tổ chức Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại và vấn đề Phật giáo Khome trước đây để chống phá chúng ta, các phần tử Phật giáo cực đoan trong nước xuyên tạc thực tế nhân quyền, tự do tôn giáo và công cuộc đổi mới của nhà nước Việt Nam. Thể hiện, Ngày 15/3/2003, Nghị viện Châu Âu đã thông qua Nghị quyết nhân quyền Việt Nam, trong đó cáo buộc Nhà nước Việt Nam “bóp nghẹt tự do ngôn luận, tự do tôn giáo”, “đàn áp tôn giáo”, đòi “tra tự do” cho Thích Huyền Quang, đòi Chính phủ Việt Nam thừa nhận “Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất”, gần đây nhất là vụ lợi dụng “Cứu trợ dân oan” để kích động người dân khiếu kiện, biểu tình gây rối trật tự công cộng, chôn đống chính quyền... Trước tính hình trên, chúng ta cần nêu cao cảnh giác, khai thác triệt để, xây dựng khối đoàn kết Phật giáo trong nước với Phật giáo quốc tế, Phật giáo với dân tộc để đập tan mọi âm mưu lợi dụng, chống phá của các thế lực thù địch. Cần nâng cao nhận thức cho Tăng ni, Phật tử.

Thứ tư: Phật giáo Việt Nam phát

triển nguyên nhân là sự tổng hợp của cả yếu tố chủ quan và khách quan, vì vậy muốn nhìn nhận, đánh giá đúng về hiện tượng này chúng ta cần xem xét ở nhiều khía cạnh khác nhau, tôn trọng quan điểm toàn diện, tránh phiến diện. Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội vì vậy nó bị chính tồn tại xã hội quy định, khi xem xét tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, không thể tách rời nó khỏi hiện thực xã hội nơi nó tồn tại, chính là hoàn cảnh kinh tế - xã hội..., cần phải xem xét nó trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác như văn hóa, tư tưởng, đạo đức, chính trị....

Thứ năm: Cần phát huy những giá trị di sản văn hóa Phật giáo để góp phần phát triển và xây dựng đất nước ngày càng tốt đẹp. Bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể: Văn hóa phi vật thể Phật giáo: Giá trị văn hóa, đạo đức, văn học, nghệ thuật, lễ hội... Đặc biệt là đạo đức: đạo đức Phật giáo thể hiện ở mục tiêu muốn đưa lại hạnh phúc và an lạc cho nhân sinh. Nguyên tắc đạo đức mà đức Phật dạy cho chúng sinh là phải tự lực phấn đấu, đề cao lòng từ bi, vô ngã - vị tha, làm điều thiện, ngừa điều ác. Bản chất của đạo đức thể hiện qua hành vi gương mẫu của Phật tử. Phật giáo luôn khuyến khích chúng sinh “tự độ độ tha, tự giác giác tha”, không phân biệt giữa ngã nhân (ta) và tha nhân (người khác). Tư tưởng bác ái, cứu nhân độ thế, vị tha từ Phật giáo đã có tác dụng bồi đắp, làm phong phú thêm đạo lý trong tâm hồn người Việt Nam, là lòng nhân ái “thương người như thể thương thân”. Văn hóa vật thể Phật giáo như: chùa chiền, tượng, tranh, đồ thờ tự... Bởi văn hóa Phật giáo Việt Nam là một thành tố trong chính

thể văn hóa dân tộc. Phật giáo có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Và do đó, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam cũng tức là góp phần tôn vinh văn hóa dân tộc.

Như vậy, Nghiên cứu Phật giáo nói riêng hay tôn giáo nói chung phải được xem xét một cách biện chứng trong mối quan hệ với nhiều nhân tố: chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội..., cũng cần nói thêm là phải chỉ ra được bản thân tôn giáo đó đã “sống” trong hoàn cảnh cụ thể như thế nào? Chỉ khi nào nhìn tôn giáo dưới cả hai góc độ khách quan và chủ quan như vậy mới thực sự là có cái nhìn toàn diện về tôn giáo.

Phật giáo trong khoảng 2000 năm tồn tại cùng dân tộc Việt Nam, đã có nhiều đóng góp cho dân tộc trên nhiều phương diện, đã khẳng định được vị trí quan trọng trong đời sống chính trị, văn hóa, đạo đức, lối sống. Với triết lý nhân văn, được thể hiện qua tư tưởng từ bi, vô ngã, vị tha rất phù hợp với tình cảm, lối sống suy nghĩ thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách, trách nhiệm đối với xã hội của người Việt nên Phật giáo đã được đông đảo người Việt đón nhận và dần dần thực hiện phương thức sống theo tư tưởng giác ngộ, giải thoát trong đời sống và xã hội ngày càng sâu rộng. Trải qua nhiều biến cố lịch sử, suốt một thời gian khá dài, Phật giáo luôn tỏ rõ là một tôn giáo gần gũi, có nhiều đóng góp tạo nên lịch sử hào hùng của dân tộc và góp phần không nhỏ xây dựng bản sắc văn hóa Việt Nam.

Hiện nay chúng ta cần cố gắng phát huy những vai trò tích cực của Phật giáo không chỉ ở mặt giá trị đạo đức tinh thần mà còn có thể khai thác Phật giáo trong những

chiến lược phát triển kinh tế. Như phát triển du lịch, văn hóa ở các địa điểm, cơ sở thờ tự của Phật giáo như Chùa, Lễ hội... Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của Phật giáo (như các công trình kiến trúc và điêu khắc, hội họa, âm nhạc, các lễ hội...) bởi các giá trị văn hóa này như một dòng chảy lặng lẽ, âm thầm nhưng có khả năng to lớn về mặt tinh thần, là cội rễ, là một trong những điểm tựa tạo nên sức mạnh to lớn của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó là hạn chế các mặt tiêu cực, đặc biệt là mê tin dị đoan, để Phật giáo phát huy hết khả năng của mình, góp phần vào phát triển kinh tế xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp.

Nghiên cứu về Phật giáo ở Việt Nam hiện nay có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi Phật giáo đang có ảnh hưởng rất lớn đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nghiên cứu Phật giáo sẽ giúp chúng ta có thể chủ động có những biện pháp hiệu quả để phát huy những ảnh hưởng tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực đó, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước./.

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Hữu Thảo (2004), Từ quan niệm duy vật lịch sử của C.Mác xem xét vấn đề tôn giáo ở nước ta. Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo số 3.
2. Thích Thanh Tú (2006), Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, Xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 3.
3. Nguyễn Thanh Tuấn, Biến đổi văn hóa đô thị Việt Nam. Nxb Văn hóa thông tin,

Viện văn hóa

4. Vũ Minh Tuyên (2010), Cơ duyên tồn tại và Phát triển của Phật giáo Việt Nam hiện nay, Nxb. Chính trị Quốc gia.

5. Đặng Nghiêm Vạn (2003), Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia.

[1] Thích Thanh Tú (2006), Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 3, tr.88



TUỆ SỸ IM LẶNG SÂM SÉT

Tâm Nhiên

Những phương trời viễn mộng đi
Thi ca tư tưởng bước kỳ ảo qua
Đọa đày một thuở ta bà
Nỗi đau rục cháy thấy ra tột cùng

Ồi ! *Giấc mơ Trường Sơn* rung
Rúng hồn tim máu chọt bùng vỡ mơ
Kinh thiên động địa sững sờ
Đâu chân diện mục của Thơ với Thiên ?

Mặc như lôi ngòi tịch nhiên
Nghe ban sơ vọng ngân huyền diệu âm
Những điệp khúc cho dương cầm
Từ vô tận ý vang thâm thiết niềm

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368